

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2024/HC-PT

Ngày: 21-5-2024

V/v: “*Kiến quyết định hành chính*
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tồn

Các thẩm phán:

Ông Phạm Tấn Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tào

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phước Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 79/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 03 năm 2024 về “*Kiến Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 766/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Vũ Thị Vân A, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A đường T, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B

Địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H1 - Chức vụ: Chủ tịch U.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch U, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố B:

1. Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có mặt.

2. Ông Võ Quang H2 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Địa chỉ: Số C đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện: Ông Trương Văn C - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

- ***Người kháng cáo:*** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Ngày 21/11/2005, bà Phạm Thị M được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số AD 562845, diện tích 3.164m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại phường T, thành phố B. Ngày 25/11/2005, bà Phạm Thị M tặng cho ông Lưu Ngọc T1 diện tích 94,5m² đất (theo đo đạc thực tế là 150m² nay là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 40) nằm trong diện tích đất nêu trên. Ngày 05/4/2008, ông Lưu Ngọc T1 chuyển nhượng diện tích đất này lại cho ông Vũ Văn D. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông D xây ba căn nhà trên đất, trong đó một căn dùng để ở sinh hoạt gia đình, hai căn còn lại ông D cho con là ông Vũ Văn C1 và bà Vũ Thị Vân A mỗi người 1 căn để ở riêng. Thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B (đợt A) theo Quyết định số: 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố B thì gia đình bà Vũ Thị Vân A có căn nhà 44,1m² để ở trên thửa đất số 124; tờ bản đồ số 40, khi nhà nước thu hồi đất để làm dự án và giải tỏa toàn bộ nhà ở của bà nhưng chỉ xem xét bố trí đất tái định cư cho bố và anh trai bà mà không xem xét bố trí đất tái định cư cho bà, đồng thời cũng không xem xét hỗ trợ các chính sách theo quy định là thiếu sót.

Về hỗ trợ tái định cư, tại thời điểm nhà nước thu hồi đất thì bà Vũ Thị Vân A đã lập gia đình và đang ở, sinh hoạt ổn định trên ngôi nhà mà bà đang quản lý, sử dụng đất, phải di chuyển chỗ ở và không còn đất ở nào trên địa bàn thành phố

B. Theo quy định tại khoản 4 điều 6 nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 4 điều 5 Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ thì bà Vân A thuộc diện được hỗ trợ tái định cư nhưng UBND thành phố B không xem xét là thiếu sót.

Về hỗ trợ tiền thuê nhà từ khi bàn giao mặt bằng cho đến khi được giao đất tái định cư để tạo lập chỗ ở mới, bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố, hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/1/2014; Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ, thì bà Vũ Thị Vân A phải được hỗ trợ các khoản này.

Ngày 23/6/2022, bà nhận được công văn số 2316/UBND-VP của UBND thành phố B với nội dung giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B kiểm tra, trả lời công dân cho bà Vân A. Ngày 01/7/2022, bà nhận được công văn số 129/CV-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất TP. về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị Vân A không có cơ sở để được xem xét đền bù hỗ trợ.

Do đó, bà Vân A khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Hủy Công văn số 129/CV-TTPTQĐ ngày 30/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Vũ Thị Vân A.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B bố trí cho bà một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà từ khi bàn giao mặt bằng cho đến khi được giao đất tái định cư để tạo lập chỗ ở mới; Buộc bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố; hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện này.

**** Theo bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:***

Về tái định cư: Xét về nguồn gốc đất, đất của hộ bà Phạm Thị M được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 562845 với diện tích là 3.164m² đất trồng cây lâu năm. Ngày 01/6/2007, hộ bà Phạm Thị M chuyển nhượng 1.471m² đã được chỉnh lý tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích trong giấy sau khi chuyển nhượng là 1.693m² đất. Sau đó, bà M chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn D 1 phần diện tích đất bằng giấy viết tay.

Trong quá trình sinh sống ông Vũ Văn D cho con trai và con gái là bà Vũ Thị Vân A một phần thửa đất để làm nhà. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng với quy định tại Điều 85 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ, nên toàn bộ diện tích đất 1.769,2 m² được bồi thường cho bà Phạm Thị M. Ngày 25/12/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số 9679/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B (đợt 16).

Trước đó, ngày 02/12/2019, Trung Tâm Phát triển Quỹ đất thành phố B phối hợp với Công an phường và UBND phường T cùng đại diện tổ dân phố 8, 9 tiến hành xác minh về hồ sơ quản lý đăng ký hộ khẩu, đăng ký thường trú và xác nhận chỗ ở của các hộ dân có đất bị thu hồi. Trong đó, có hộ gia đình ông Vũ Văn D và bà Vũ Thị Vân A.

Qua xác minh thì hộ bà Vũ Thị Vân A có cùng hộ khẩu với bố là ông Vũ Văn D, chưa tách hộ theo quy định về luật cư trú, nên trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất được áp dụng và giao đất cho hộ gia đình theo quy định tại điểm 3, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất”*.

Ngày 22/5/2020, UBND thống nhất chủ trương giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho các hộ (trong đó có hộ ông Vũ Văn D – bố của bà Phạm Thị Vân A1). Ngày 07/10/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7149/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ ông Vũ Văn D 01 thửa đất tại khu dân cư T, phường T, thành phố B. Việc bà Vũ Thị Vân A đề nghị được giao thêm 01 lô đất cho bà là không đúng theo quy định tại điểm 3, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

Về các khoản hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Tại Điều 16, Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/1/2014. Trường hợp bà Vũ Thị Vân A không đủ điều kiện được giao đất có thu tiền sử dụng đất nên không đủ điều kiện để hỗ trợ.

- Bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố và hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng: Tại thời điểm phê duyệt Quyết định số 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 thì Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 chưa có hiệu lực (Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2019).

Vì vậy, việc bà Vũ Thị Vân A yêu cầu bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 là không có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Vân A.

* Quá trình giải quyết vụ án người đại diện của Trung tâm phát triển quỹ đất TP B trình bày thống nhất với trình bày của U, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Vân A.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 4 Điều 5 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Vân A.

- Hủy Công văn số 129/CV-TTPTQĐ ngày 30/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đối với nội dung không chấp nhận bố trí cho bà một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

- Buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho bà Vũ Thị Vân A theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Vân A về việc: Hủy một phần Quyết định số 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B (đợt 16).

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B hỗ trợ tiền thuê nhà từ khi bàn giao mặt bằng cho đến khi được giao đất tái định cư để tạo lập chỗ ở mới, bồi thường chi phí di chuyển trong phạm vi thành phố; Hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng đúng theo quy định pháp luật.

Ngoài ra tại bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 29/01/2024, ông Lê Đại T - người bị kiện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Vân A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Lê Đại T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2024/HC-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền:

- Bà Vũ Thị Vân A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số: 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố B;

- Hủy một phần Công văn số 129/CV-TTPTQĐ ngày 30/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Lê Đại T:

Ngày 25/12/2019, UBND thành phố ban hành Quyết định số: 9679/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ T, phường T, thành phố B. Theo đó, bà Vũ Thị Vân A có căn nhà 44,1m² để ở trên thửa đất số 124; tờ bản đồ số 40, khi nhà nước thu hồi đất để làm dự án và giải tỏa toàn bộ nhà ở của bà V nhưng không xem xét bố trí đất tái định cư cho bà V, nên bà V yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết định nêu trên.

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho rằng bà Vũ Thị Vân A có cùng hộ khẩu với bố là ông Vũ Văn D, chưa tách hộ theo quy định về luật cư trú nên việc bố trí đất tái định cư chỉ thực hiện với hộ gia đình ông Vũ Văn D – bố của bà Phạm Thị Vân A1. Do đó yêu cầu của bà Vân A1 về việc bố trí thêm 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho bà Vân A1 là không có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bà Vũ Thị Vân A có cùng hộ khẩu với bố là ông Vũ Văn D nhưng tại thời điểm nhà nước thu hồi đất bà Vũ Thị Vân A đã xây dựng căn nhà với diện tích 44,1m² và sinh sống riêng biệt với ông Vũ Văn D. Tài sản của ông D và bà V là độc lập nhau nên chế độ chính sách khi thu hồi đất, bồi thường và tái định cư của hai chủ thể này là phải như nhau. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 4 điều 6 nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 4 Điều 5 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Lê Đại T không có tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[2.2] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai thu số 0006478 ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[2.3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Lê Đại T. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2024/HC-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Vân A:

- Hủy Công văn số 129/CV-TTPTQĐ ngày 30/6/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đối với nội dung không chấp nhận bố trí cho bà một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

- Buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho bà Vũ Thị Vân A theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã đóng theo biên lai

thu số 0006478 ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn